

Bản án số: 57/2021/HSST
Ngày 25-11-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL**

Với thành phần hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Thắng

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phan Sỹ Phác, ông Nguyễn Duy Chấn

Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thuỳ Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil.

Đại diện VKSND huyện Đắk Mil tham gia phiên tòa: Ông Phạm Anh Đức - Kiểm sát viên

Ngày 25/11/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 56/2021/TLST-HS ngày 28 tháng 10 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2021/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Văn H**, sinh ngày 08/02/ 2002; tại: tỉnh Đắk Nông; nơi đăng ký HKTT và trú tại: Thôn X1, xã S, huyện M, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Văn T, sinh năm 1959; Con bà Lê Thị Th, sinh năm 1964. Trú tại: Thôn X1, xã S, huyện M, tỉnh Đắk Nông; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/8/2021 (Có mặt tại phiên tòa).

****/ Người bị hại:***

Anh Lê Văn H1 – sinh năm 1997

Địa chỉ: Thôn Đ, xã S, huyện M, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

****/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Bà Trần Thị T – sinh năm 1976

Địa chỉ: Thôn L, xã S, huyện M, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

2. Bà Trần Thị H – sinh năm 1977

Địa chỉ: Tổ 6, thị trấn A, huyện S, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

3. Ông Nguyễn Văn C – sinh năm 1974

Địa chỉ: Tổ 6, thị trấn A, huyện S, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

4. Ông Đào Văn T – sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn L, xã S, huyện M, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

****/ Người làm chứng:***

1. Anh Phạm Hữu H – sinh năm 2002

Địa chỉ: Thôn X2, xã S, huyện M, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

2. Chị Đào Thị Th – sinh năm 1998

Địa chỉ: Thôn Đ, xã S, huyện M, tỉnh Đắk Nông – Văng mặt.

3. Anh Lê Văn H – sinh năm 1999

Địa chỉ: Thôn Đ, xã S, huyện M, tỉnh Đắk Nông – Văng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10h00' ngày 08/8/2021, do biết nhà anh Lê Văn H1 (sinh năm 1997, là anh trai của Lê Văn H) tại thôn Đ, xã S, huyện M, tỉnh Đắk Nông không có ai ở nhà nên Lê Văn H nảy sinh ý định trộm cắp xe cày mà anh H1 mượn của bà Trần Thị T (sinh năm 1976, trú tại thôn L, xã S, huyện M, tỉnh Đắk Nông) để cầm cố lấy tiền tiêu xài. Lê Văn H gọi điện thoại nhờ Phạm Hữu H2 (sinh năm 2002, trú tại thôn X2, xã Đắk Sắk) chở H đến nhà anh H1 để lấy xe cày (H nói cho H2 biết là anh H1 đồng ý cho H mượn xe cày để đi cầm cố). Đến nơi, Lê Văn H lấy chìa khóa để mở cổng, đi bộ vào trong sân nhà anh H1 lấy tay quay khởi động xe máy kéo có rơ moóc còn Phạm Hữu H2 ra về. Lê Văn H điều khiển xe máy kéo có rơ moóc về khu vực xã O, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông rồi gọi điện thoại nhờ Phạm Hữu H2 đến cùng điều khiển xe máy kéo đi cầm cố thì H2 đồng ý. Phạm Hữu H2 điều khiển xe máy kéo có rơ moóc chở Lê Văn H đến tiệm cầm đồ Ngọc Cục tại tổ 6, thị trấn A, huyện S, tỉnh Đắk Nông do chị Trần Thị H (sinh năm 1977) làm chủ. Tại đây, Lê Văn H không cầm cố xe máy kéo có rơ moóc nói trên mà bán cho chị Trần Thị H được 25.000.000 đồng (chị H đưa cho H 2.000.000 đồng tiền mặt, 23.000.000 đồng chị H chuyển vào tài khoản số 060244782895 tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín mang tên Lê Văn H). Lê Văn H đã tiêu xài cá nhân còn lại số tiền 7.973.908 đồng trong tài khoản số 060244782895. Sau đó, anh Lê Văn H1 phát hiện mất xe máy kéo nên đã trình báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil. Tại Cơ quan điều tra, Lê Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại kết luận định giá tài sản số 27/KL-HĐĐGTS ngày 12/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đắk Mil kết luận xe cày có đầu máy kéo hiệu HJANGDONG ghi số hiệu 1115 và 2014-11-5 A màu đỏ xám, công suất 24 Hp; giàn cày loại KME, kéo theo rơ moóc màu xanh rêu dài 2,5m, rộng 1,7m, có cầu sau, điều khiển bằng vô lăng bot trợ lực đã qua sử dụng, hiện đang sử dụng tốt có giá trị là 34.500.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 56/Ctr-VKS ngày 27 tháng 10 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil đã truy tố bị cáo Lê Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil giữ quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội, sau khi phân tích, đánh giá tính chất của vụ án, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Lê Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Lê Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Điều 65 của BLHS xử phạt bị cáo Lê Văn H mức án tù từ 18 đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 đến 48 tháng.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, bị hại không có yêu cầu bồi thường nên không xem xét giải quyết; Buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị H số tiền 8.000.000đ.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 106 BLTTHS, áp dụng khoản 2 Điều 47 BLHS: Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil đã trả lại 01 xe máy kéo nhãn hiệu HJANGDONG ghi số hiệu 1115 và 2014-11-5 A màu đỏ xám, công suất 24 Hp; giàn cày loại KME, kéo theo rơ moóc màu xanh rêu dài 2,5m, rộng 1,7m, có cầu sau, điều khiển bằng vô lăng bot trợ lực đã qua sử dụng cho bà Trần Thị T là chủ sở hữu hợp pháp; Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple loại Iphone 6 màu trắng số IMEI 356152092359537 của bị cáo do sử dụng vào việc phạm tội; Tiếp tục phong tỏa tài khoản số 060244782895 tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín mang tên Lê Văn H, trong tài khoản có số tiền 7.973.908 đồng để đảm bảo việc thi hành án.

Đối với anh Phạm Hữu H2 và chị Trần Thị H do không biết xe cày là do bị cáo trộm cắp được mà có nên không xử lý theo quy định của pháp luật

Tại phiên tòa bị cáo không bào chữa, không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện đúng như diễn biến sự việc mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil đã truy tố, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, phù hợp với vật chứng thu giữ được, bản kết luận định giá tài sản cùng với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa.

[3] HĐXX có đủ cơ sở xác định: Vào khoảng 10h00' ngày 08/8/2021, tại thôn Đ, xã S, huyện M, tỉnh Đắk Nông, Lê Văn H đã có hành vi lén lút trộm cắp của anh Lê Văn H1 chiếc xe cày có đầu máy kéo nhãn hiệu HJANGDONG ghi số hiệu 1115

và 2014-11-5 A màu đỏ xám, công suất 24 Hp; giàn cày loại KME, kéo theo rơ moóc màu xanh rêu dài 2,5m, rộng 1,7m, có cầu sau, điều khiển bằng vô lăng bot trợ lực rồi đến bán cho chị Trần Thị H (trú tại thị trấn A, huyện S, tỉnh Đắk Nông) được 25.000.000 đồng. Xe có giá trị còn lại là 34.500.000 đồng.

Xét quan điểm buộc tội và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở pháp lý kết luận bị cáo Lê Văn H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 173 BLHS.

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

...

[4] Xét tính chất vụ án do bị cáo gây ra thuộc tội phạm ít nghiêm trọng, tuy nhiên hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, nhận thức được quyền tài sản của người khác là bất khả xâm phạm, được pháp luật bảo vệ, tuy nhiên do lười biếng lao động muốn có tiền tiêu xài, bị cáo có hành vi lén lút trộm cắp của anh Lê Văn H1 01 xe cày đầu kéo trị giá 34.500.000 đồng, (xe của anh Lê Văn H1 mượn của bà Trần Thị T) và bán cho bà Trần Thị H được 25.000.000đ. Điều đó thể hiện sự liều lĩnh, coi thường pháp luật của bị cáo. Do đó, cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi do bị cáo gây ra mới có tác dụng răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân sống có ích cho gia đình và xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình; bị cáo đã bồi thường, khắc phục hậu quả một phần thiệt hại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật nhà nước ta.

[7] Về nhân thân: Ngoài lần phạm tội này bị cáo chưa có bất cứ vi phạm pháp luật nào (*ngoài tình tiết định khung hình phạt thì các bị cáo cũng không phải chịu tình tiết tăng nặng nào*). Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo tốt nên không nhất thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo cũng đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân tốt, sống biết chấp hành pháp luật.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, bị hại anh Lê Văn H1 không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét giải quyết; Bị cáo và gia đình đã

bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H số tiền 17.000.000 đồng, tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường tiếp số tiền còn lại là 8.000.000đ cho bà Trần Thị H. Xét việc thỏa thuận bồi thường là phù hợp với quy định tại Điều 584, 589 BLDS nên cần chấp nhận.

[9] Để đảm bảo cho việc thi hành án, căn cứ vào Điều 129 BLTTHS cần tiếp tục duy trì Lệnh phong tỏa tài khoản số 53 ngày 19/9/2021 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil đối với số tài khoản 060244782895 mang tên Lê Văn H tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín là phù hợp.

[10] Về vật chứng của vụ án: căn cứ Điều 106 BLTTHS, áp dụng khoản 2 Điều 47 BLHS, việc Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện Đắk Mil đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại 01 xe máy kéo nhãn hiệu HJANGDONG ghi số hiệu 1115 và 2014-11-5 A màu đỏ xám, công suất 24 Hp; giàn cày loại KME, kéo theo rơ moóc màu xanh rêu dài 2,5m, rộng 1,7m, có cầu sau, điều khiển bằng vô lăng bot trợ lực đã qua sử dụng cho chủ sở hữu hợp pháp bà Trần Thị T là phù hợp nên cần chấp nhận.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple loại Iphone 6 màu trắng số IMEI 356152092359537 của bị cáo Lê Văn H cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước do bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

[11] Đối với anh Phạm Hữu H2 và chị Trần Thị H do không biết xe cày là do bị cáo trộm cắp được mà có nên không xử lý theo quy định của pháp luật

[12] Về án phí: Bị cáo Lê Văn H phải chịu án phí HSST và DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 BLHS.

1. Xử phạt: Lê Văn H 02 (Hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (Bốn) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 4 Điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự tuyên trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa.

Giao bị cáo cho UBND xã S, huyện M, tỉnh Đắk Nông giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự hai lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự năm 2019.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Lê Văn H1 không có yêu cầu bồi thường nên không xem xét giải quyết.

Áp dụng: Điều 48 của BLHS; Điều 584, Điều 589 BLDS, buộc bị cáo Lê Văn H phải tiếp tục bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H số tiền 8.000.000đ.

3. Tiếp tục duy trì Lệnh phong tỏa tài khoản số 53 ngày 19/9/2021 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil đối với số tài khoản 060244782895 mang tên Lê Văn H tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín để đảm bảo cho việc thi hành án.

4. Về vật chứng của vụ án: Căn cứ Điều 106 BLTTHS, áp dụng khoản 2 Điều 47 BLHS: Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil đã trả lại 01 xe máy kéo nhãn hiệu HJANGDONG ghi số hiệu 1115 và 2014-11-5 A màu đỏ xám, công suất 24 Hp; giàn cày loại KME, kéo theo rơ moóc màu xanh rêu dài 2,5m, rộng 1,7m, có cầu sau, điều khiển bằng vô lăng bot trợ lực đã qua sử dụng cho bà Trần Thị T là chủ sở hữu hợp pháp.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple loại Iphone 6 màu trắng số IMEI 356152092359537 của bị cáo do sử dụng vào việc phạm tội.

Về án phí: Căn cứ Điều 99 BLTTHS; NQ 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Lê Văn H phải nộp 200.000 đồng tiền án phí HSST và 400.000 đồng án phí DSST.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được công bố.

Nơi nhận:

-TAND tỉnh Đắk Nông;
-Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
-VKS ND huyện Đắk Mil;
-Đội điều tra Công an huyện Đắk Mil;
-Đội THAHS Công an huyện Đắk Mil;
-Bộ phận Nghiệp vụ CA huyện Đắk Mil;
-Chi cục THADS huyện M;
-Bị cáo;
-Những người tham gia tố tụng;
-Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thế Thắng